Ủy ban nhân dân
Tỉnh Ninh Thuận
10/12/2019 16:17:58

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 68 /2019/QĐ-UBND	*Ninh Thuận, ngày 09 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phân cấp quản lý an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 239/TTr-SNNPTNT ngày 08/11/2019 và Báo cáo thẩm định số 1797/BC-STP ngày 27/9/2019 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, gồm: 3 Chương, 8 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2019 và thay thế Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Quy định phân cấp quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: NN&PTNT, Y tế, Công Thương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế (BNNPTNT);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Ninh Thuận;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- VPUB: LĐ, Khối NC-TH;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lưu Xuân Vĩnh

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Phân cấp quản lý an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 68.../2019/QĐ-UBND ngày 09./12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này phân cấp quản lý an toàn thực phẩm (ATTP) đối với các sản phẩm và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về ATTP và các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương II
PHÂN CẤP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp quản lý

1. Đảm bảo sự thống nhất trong công tác quản lý nhà nước về ATTP từ tỉnh đến huyện, thành phố và xã, phường, thị trấn; đảm bảo nguyên tắc một sản phẩm, một cơ sở sản xuất, kinh doanh chỉ chịu sự quản lý của một cơ quan quản lý Nhà nước.

2. Trường hợp một cơ sở vừa chịu sự quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vừa chịu sự quản lý của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm quản lý.

3. Trong trường hợp cơ sở chưa được phân công tại Quy định này nếu phát sinh thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trong trường hợp cần thiết.

Điều 4. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản và sản phẩm quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân cấp quản lý cho địa phương.

2. Quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trừ các cơ sở quy định tại Khoản 1, Điều 6 Quy định này.

3. Các cơ quan quản lý chuyên ngành thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thẩm định cấp địa phương thực hiện theo phân cấp tại Phụ lục đính kèm Quyết định này.

4. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo liên ngành ATTP tỉnh triển khai thực hiện công tác đảm bảo ATTP thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh.

5. Phổ biến, tuyên truyền các quy định của pháp luật về ATTP cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc đối tượng quản lý.

6. Thanh tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

7. Tổ chức cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc diện cấp giấy chứng nhận theo quy định tại Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi quản lý.

8. Tổ chức cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản theo quy định tại Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi quản lý.

9. Tổ chức thực hiện các chương trình giám sát ATTP, đánh giá nguy cơ và truy xuất nguyên nhân gây mất ATTP thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn theo quy định; tổ chức việc thu hồi và xử lý thực phẩm mất an toàn theo quy định của pháp luật.

10. Chỉ đạo, hướng dẫn, tập huấn triển khai Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh; báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

Điều 5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

1. Chỉ đạo, đôn đốc và kiểm tra Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Phê duyệt và cấp kinh phí thực hiện kế hoạch kiểm tra của UBND xã, phường, thị trấn về việc thực hiện nội dung đã cam kết của các cơ sở sản xuất thuộc trách nhiệm quản lý của UBND xã, phường, thị trấn quy định tại Khoản 1, Điều 6 Quy định này.

3. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong công tác tổ chức tuyên truyền pháp luật về ATTP, trong việc thực hiện các nhiệm vụ thống kê, thanh tra, kiểm tra, giám sát ATTP của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai trên địa bàn quản lý.

4. Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về ATTP trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền.

5. Chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc phòng Kinh tế tham mưu Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn huyện, thành phố để báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn *(qua Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản)* theo chế độ báo cáo hiện hành.

Điều 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

1. Quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm, bao gồm: Cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ và tàu cá có chiều dài dưới 15 mét theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Phổ biến, hướng dẫn về thực hành sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn và tổ chức ký cam kết, kiểm tra nội dung ký cam kết và xử lý vi phạm cam kết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định pháp luật đối với các cơ sở quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Xây dựng kế hoạch kiểm tra việc thực hiện nội dung đã cam kết của các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ và tàu cá có chiều dài dưới 15 mét, trình UBND huyện, thành phố phê duyệt và cấp kinh phí thực hiện.

4. Thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương danh sách các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ và tàu cá có chiều dài dưới 15 mét không chấp hành các nội dung cam kết sản xuất thực phẩm an toàn.

5. Lưu trữ các hồ sơ liên quan đến thực hiện các nhiệm vụ triển khai Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6. Báo cáo kết quả thực hiện Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc phòng Kinh tế.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, triển khai, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện Quy định này. Định kỳ *(trước ngày 20 hàng tháng)* tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện công tác quản lý ATTP thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh.

2. Giao Sở Tài Chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí hàng năm cho các đơn vị được phân cấp quản lý thực hiện theo quy định Nhà nước hiện hành.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao theo Quy định này.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lưu Xuân Vĩnh

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC

Phân cấp cơ quan thẩm định cấp địa phương theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và cơ quan quản lý cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(Ban hành kèm theo Quyết định số 68 /2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

STT	Cơ quan thực hiện	Loại hình cơ sở
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
1	**Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật**	Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc thực vật *(kể cả hoạt động sơ chế được thực hiện tại công đoạn trồng trọt).*
2	**Chi cục Thủy sản**	Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc thủy sản nuôi trồng.
		Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên.
		Cảng cá.
3	**Chi cục Chăn nuôi và Thú y**	Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc động vật *(trừ thực phẩm thủy sản).*
		Sơ chế thực phẩm có nguồn gốc từ động vật *(trừ thực phẩm thủy sản).*
		Cơ sở chuyên doanh thực phẩm có nguồn gốc động vật *(trừ thực phẩm thủy sản).*
		Sơ chế nhỏ lẻ thực phẩm có nguồn gốc từ động vật *(trừ thực phẩm thủy sản).*
		Kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ thực phẩm có nguồn gốc từ động vật *(trừ thực phẩm thủy sản).*
		Kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn thực phẩm có nguồn gốc từ động vật *(trừ thực phẩm thủy sản).*
		Sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định thực phẩm có nguồn gốc từ động vật *(trừ thực phẩm thủy sản).*

4	**Chi cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và Thủy sản**	Cơ sở sản xuất nước đá phục vụ sản xuất và bảo quản thực phẩm nông thủy sản.
		Cơ sở thu gom, sơ chế, chế biến thực phẩm nông, lâm, thủy sản trừ cơ sở do Chi cục Chăn nuôi và Thú y quản lý.
		Kho lạnh bảo quản thực phẩm nông, lâm, thủy sản.
		Chợ đầu mối, đấu giá thực phẩm nông, lâm, thủy sản.
		Cơ sở chuyên doanh thực phẩm nông lâm thủy sản trừ cơ sở do Chi cục Chăn nuôi và Thú y quản lý.
		Cơ sở sản xuất ban đầu muối, chế biến, kinh doanh muối, muối i-ốt.
		Sơ chế nhỏ lẻ trừ cơ sở do Chi cục Chăn nuôi và Thú y quản lý.
		Kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ trừ cơ sở do Chi cục Chăn nuôi và Thú y quản lý.
		Kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn trừ cơ sở do Chi cục Chăn nuôi và Thú y quản lý.
		Sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định trừ cơ sở do Chi cục Chăn nuôi và Thú y quản lý.